

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
MÔN NGỮ VĂN

KHỐI: 10

***Thời gian: Tuần 34 (HK II)**

A. ÔN TẬP CHUNG

BÀI 7 – QUYỀN NĂNG CỦA NGƯỜI KỂ CHUYỆN

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- **Học sinh nhận biết** được một số yếu tố của truyện như: người kể chuyện ngôi thứ ba và người kể chuyện ngôi thứ nhất, điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật.
- **Học sinh phân tích** và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hóa từ văn bản.
- Hiểu tác dụng của biện pháp chêm xem, biện pháp liệt kê; biết cách vận dụng các biện pháp này vào việc tạo câu.

2. Về năng lực:

a. Năng lực chung: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,....

b. Năng lực đặc thù

- Viết được một bài văn nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của một tác phẩm văn học
- Biết thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau; đưa ra được những căn cứ thuyết phục; tôn trọng người đối thoại; (giới thiệu, đánh giá) về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm truyện

3. Về phẩm chất: Học sinh biết yêu thương và có trách nhiệm đối với con người, cuộc sống

II. TRI THỨC NGỮ VĂN

1. Người kể chuyện ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

- **Người kể chuyện trong ngôi thứ nhất** là người kể xưng “tôi” hoặc một hình thức tự xưng tương đương.
- **Người kể chuyện trong ngôi thứ ba** là người kể chuyện ẩn danh, không trực tiếp xuất hiện trong tác phẩm như một nhân vật, không tham gia vào mạch vận động của cốt truyện và chỉ được nhận biết qua lời kể.
- Người kể chuyện dù ở ngôi thứ nhất hay thứ ba, đều kể chuyện từ điểm nhìn nhất định, qua hệ thống lời kể.
- Từ điểm nhìn và hệ thống lời người kể chuyện, lời nhân vật, các phương diện của bức tranh đời sống và nhân vật được thể hiện để người đọc tri nhận. **Quyền năng của người kể chuyện** thể hiện ở phạm vi miêu tả, phân tích, lí giải và mức độ định hướng đọc trong việc cắt nghĩa, đánh giá sự kiện, nhân vật được khắc họa trong tác phẩm văn học.

2. Cảm hứng chủ đạo

- **Cảm hứng chủ đạo** của một tác phẩm văn học là tình cảm, thái độ được thể hiện xuyên suốt tác phẩm đối với những vấn đề cuộc sống được nêu ra. Cảm hứng chủ đạo chi phối hình thức thể hiện, toát lên từ toàn bộ tác phẩm và có khả năng tác động mạnh vào cảm xúc của người tiếp nhận.

3. Biện pháp chêm xem và biện pháp liệt kê

- **Chêm xem** là xen một từ, một cụm từ vào câu nhằm giải thích, thêm ý cho câu hoặc hướng tới mục đích tu từ.
- **Liệt kê** là nêu một chuỗi yếu tố cùng loại nhằm cung cấp thông tin đầy đủ hơn về đối tượng cần nhấn mạnh tổng câu, trong đoạn của văn bản hoặc hướng tới mục đích tu từ.

III. LÀM VĂN

1. Thể loại: Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm/văn bản thơ hoặc văn bản truyện.

2. Yêu cầu:

a. Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm/văn bản thơ:

- Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ và mạch cảm xúc chính
- Mạch ý tưởng cảm xúc, sự phát triển của các hình tượng chính, nét hấp dẫn riêng của bài thơ về nội dung và nghệ thuật.
- Khẳng định giá trị tư tưởng và thẩm mỹ của bài thơ.

b. Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm/văn bản truyện:

- Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm truyện (nhan đề, tên tác giả,...) và ý kiến khái quát của người viết về tác phẩm.
- Tóm tắt tác phẩm truyện (vừa đủ để người đọc nắm được nội dung chính).
- Phân tích cụ thể, rõ ràng về tác phẩm truyện (chủ đề, nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng) với những cứ liệu sinh động.
- Đánh giá về tác phẩm truyện dựa trên các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.
- Khẳng định giá trị của tác phẩm truyện.

BÀI 8 – THẾ GIỚI ĐA DẠNG CỦA THÔNG TIN

I. MỤC TIÊU

1. Về Kiến thức

- Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản thông tin, cách đặt nhan đề của tác giả nhận biết được mục đích của người viết; biết suy luận và phân tích mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin.
- Nhận biết được một số dạng văn bản thông tin có sự lồng ghép giữa thuyết minh với một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận và giải thích được mục đích của sự lồng ghép đó; nhận biết và phân tích được sự kết hợp giữa phương tiện ngôn ngữ với phương tiện phi ngôn ngữ.
- Phân tích, đánh giá được cách đưa tin và quan điểm của người viết ở một bản tin.
- Viết được bản nội quy hoặc bản hướng dẫn nơi công cộng.
- Biết thảo luận về văn bản nội quy hay văn bản hướng dẫn nơi công cộng đã viết.

2. Về năng lực

2.1. Năng lực chung

- Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,....

2.2. Năng lực đặc thù

- Học sinh viết được một văn bản thông tin, đánh giá được vấn đề trọng tâm mà thông tin cần có.
- Học sinh thuyết trình (giới thiệu, đánh giá) về nội dung văn bản thông tin

3. Về phẩm chất

- *Yêu nước:* Yêu quý, trân trọng và tự hào về các nghệ thuật truyền thống của người Việt: nghệ thuật dân gian, kiến trúc, điêu khắc...
- *Trách nhiệm:* Giữ gìn và phát huy các giá trị nghệ thuật truyền thống của người Việt, các giá trị của thông tin, không ngừng mở mang hiểu biết về đời sống xung quanh.
- *Trung thực:* Biết nhận thức và hành động theo lẽ phải; dũng cảm đấu tranh bảo vệ lẽ phải và những điều tốt đẹp.

II. TRI THỨC NGỮ VĂN

1. Văn bản thông tin

2. Bản tin

3. Văn bản nội quy, văn bản hướng dẫn nơi công cộng

4. Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ

III. LÀM VĂN

1. Thể loại: Viết một văn bản nội quy, văn bản hướng dẫn nơi công cộng

2. Yêu cầu :

- Nắm được yêu cầu về nội dung và hình thức của văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng.
- Biết cách viết một văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng
- Có ý thức, trách nhiệm trong quá trình thực hiện viết một bản nội quy hoặc một bản hướng dẫn nơi công cộng.

BÀI 9 – HÀNH TRANG CUỘC SỐNG

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Mục đích, quan điểm của người viết.
- Cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng.
- Tác dụng của các yếu tố tự sự, biểu cảm, các biện pháp tu từ trong văn bản nghị luận.

2. Về năng lực

* Năng lực đặc thù

- Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản.
- Xác định được ý nghĩa của văn bản. Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung chính của văn bản.
- Dựa vào các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản để nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết.
- Nhận biết và phân tích được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả.
- Nhận biết và phân tích được vai trò của các yếu tố miêu tả, biểu cảm, các biện pháp tu từ trong văn bản nghị luận.
- Nhận biết và phân tích được bối cảnh tri thức hiện đại làm nền tảng cho việc nhận thức lại về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên của tác giả.
- Nêu được ý nghĩa, tác động của văn bản đối với nhận thức của bản thân về vị trí của mình trong thế giới tự nhiên.

* Năng lực chung

- Biết tự tìm kiếm thông tin, tư liệu liên quan tác giả, tác phẩm.
- Biết hợp tác để giải quyết vấn đề đặt ra trong nhiệm vụ học tập.
- Biết đưa ra được căn cứ thuyết phục để bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó; tôn trọng người đối thoại.

3. Phẩm chất

- Biết tôn trọng, ứng xử hài hoà với tự nhiên.
- Chăm chỉ, tự giác, hoàn thành nhiệm vụ học tập.

II. TRI THỨC NGỮ VĂN

1. Biểu đồ, sơ đồ trong văn bản thông tin

Các biểu đồ, sơ đồ giúp các thông tin trong văn bản trở nên cụ thể, trực quan, đồng thời cho thấy mối quan hệ logic giữa các thông tin. Có rất nhiều dạng biểu đồ, sơ đồ : biểu đồ tròn thể hiện vòng tuần hoàn của các sự vật, hiện tượng, sơ đồ Venn dùng để so sánh, biểu đồ thời gian dùng để biểu đạt sự phát triển, sơ đồ cây thể hiện hệ thống cấp bậc của thông tin...

2. Bài luận về bản thân

Là một loại văn bản nghị luận, thể hiện quan điểm, chủ kiến của người viết, có lập luận chặt chẽ và bằng chứng đáng tin cậy. Tuy nhiên, khác với bài nghị luận thông thường, bài luận về bản thân hướng vào việc bày tỏ, tự soi xét và chia sẻ những trải nghiệm, suy nghĩ... của chính người viết. Sự chân thành, sâu sắc trong suy ngẫm của người viết là yếu tố quan trọng nhất làm nên sức hấp dẫn của kiểu văn bản này. Viết một bài luận về bản thân là thực hành việc nhìn lại chính mình, tự ý thức về giá trị của chính mình- điều có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc chuẩn bị hành trang cuộc sống

III. LÀM VĂN

1. Thể loại: Viết bài luận về bản thân

2. Yêu cầu :

- HS xác định rõ luận đề của bài viết
- HS nắm được cấu trúc, đặc trưng của một bài luận về bản thân
- HS biết sử dụng bằng chứng là những sự kiện, kinh nghiệm mà người viết đã thực sự trải qua.
- HS viết được một bài luận về bản thân đáp ứng các yêu cầu: có quan điểm rõ ràng, thể hiện được phong cách, cá tính, giọng điệu của mình, sử dụng bằng chứng là những trải nghiệm có thực, sử dụng kết hợp các yếu tố biểu cảm và tự sự.



B. CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II:

Câu trúc đề kiểm tra thời gian 90 phút, gồm 2 phần.:

I. ĐỌC – HIỂU (5.0 điểm) gồm 06 câu hỏi tự luận: 2 câu nhận biết (1,0đ); 3 câu thông hiểu (3đ); 1 câu vận dụng (1đ).

Đọc hiểu các văn bản/ đoạn trích thuộc thể loại: Văn bản thông tin , ngữ liệu ngoài SGK, thường bao gồm các dạng câu hỏi sau:

Ở mức độ nhận biết:

- Nhận biết được một số dạng văn bản thông tin tổng hợp, văn bản thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận
- Nhận biết được sự kết hợp giữa các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận trong văn bản thông tin
- Nhận biết được sự kết hợp giữa phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong văn bản thông tin

Ở mức độ thông hiểu:

- Phân tích được ý nghĩa của đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, cách đặt nhan đề của tác giả
- Giải thích được mục đích, tác dụng của việc lồng ghép các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận vào văn bản
- Phân tích được sự kết hợp giữa phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ để biểu đạt nội dung văn bản
- Giải thích được mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản

Ở mức độ Vận dụng:

Rút ra ý nghĩa hay tác động của thông tin trong văn bản đối với bản thân

Ở mức độ Vận dụng cao:

- Đánh giá được mức độ chính xác, khách quan của thông tin trong văn bản dựa trên những căn cứ xác đáng

-Đánh giá được cách đưa tin và quan điểm của người viết thể hiện qua văn bản

II. LÀM VĂN (5.0 điểm) : Đề bài thuộc dạng sau:

1.Thể loại: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội.

Yêu cầu: Nắm được các thao tác cơ bản khi làm một bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội, cụ thể:

- Giới thiệu được vấn đề xã hội cần bàn luận.
- Nêu rõ lí do lựa chọn và quan điểm cá nhân về vấn đề xã hội cần bàn luận.
- Chứng minh quan điểm của mình bằng hệ thống luận điểm chặt chẽ, hợp lí, sử dụng các lí lẽ thuyết phục và bằng chứng chính xác, đầy đủ.
- Biết sử dụng yếu tố biểu cảm để tăng sức thuyết phục của văn bản.
- Khẳng định ý nghĩa của vấn đề cần bàn luận.

2. Khi làm bài HS cần đạt được các mức độ:

a. Nhận biết:

- Xác định đúng yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận
- Xác định được mục đích, đối tượng nghị luận
- Giới thiệu được vấn đề xã hội và mô tả được những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết
- Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận

b. Thông hiểu:

- Giải thích được những khái niệm liên quan đến vấn đề nghị luận
- Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm thích hợp
- Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm
- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt

c. Vận dụng:

- Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội
- Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận
- Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp logic

d. Vận dụng cao:

- Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt lớp 10 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết
- Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết về vấn đề xã hội

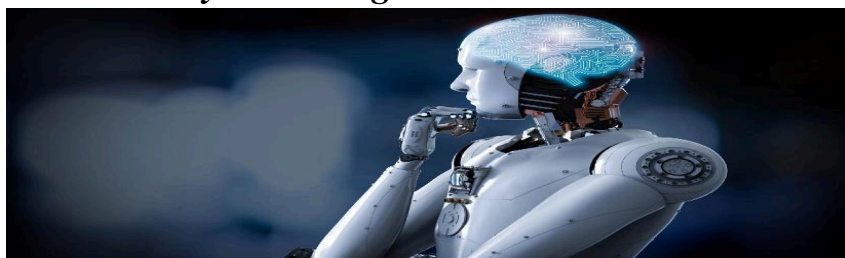
Đề kiểm tra minh họa

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (5,0 điểm)

Đọc ngữ liệu sau:

Robot AI có thể thay thế con người trong tương lai?

Nhiều ý kiến cho rằng, robot trí tuệ nhân tạo có thể loại bỏ hàng triệu công việc trước đây và tạo ra hàng triệu công việc mới, làm thay đổi hoàn toàn thị trường lao động hiện nay. Tại sao robot AI có thể thay thế con người?



Robot AI là gì?

Robot AI (Robot trí tuệ nhân tạo) là cỗ máy được phát minh ra nhằm tự động hóa các công việc, thay thế, hỗ trợ, giúp đỡ con người trong hoạt động sản xuất và nhiều lĩnh vực khác. Nhờ

sự tích hợp công nghệ trí tuệ nhân tạo, robot ngày càng thông minh hơn khi có khả năng suy nghĩ, nhận thức và giao tiếp như con người.

Các loại công việc Robot AI có nhiều tác động

Nhiều chuyên gia cho rằng, một số ngành nghề sẽ được tự động hóa hoàn toàn trong vòng 5 đến 10 năm tới, tức là không cần tới sự tham gia của con người trong quá trình làm việc....Theo "Báo cáo tương lai việc làm năm 2020" của Diễn đàn kinh tế thế giới, AI dự kiến sẽ thay thế 85 triệu việc làm toàn cầu vào năm 2025. Mặc dù điều đó nghe có vẻ đáng sợ, nhưng báo cáo cũng cho rằng công nghệ này sẽ tạo ra 97 triệu việc làm mới trong cùng thời gian đó.

Những lĩnh vực AI không thể thay thế con người

Chúng ta có thể yên tâm rằng, sẽ có những công việc không bao giờ bị thay thế bởi robot AI. Công việc mà trí tuệ nhân tạo không thể sao chép thường là các vị trí đề cao tinh thần sáng tạo, sự đồng cảm và công việc liên quan đến chính trị, chiến lược phức tạp như: Giáo viên, nhà văn, luật sư, nhân viên xã hội, chuyên gia y tế, nhà trị liệu, chuyên gia quản lý,...

Robot AI liệu có thể thay thế hoàn toàn con người trong công việc?

AI đang và sẽ tiếp tục thay thế con người trong một số công việc. Người lao động trong các ngành, từ chăm sóc sức khỏe đến nông nghiệp cũng như công nghiệp, đều có thể thấy sự gián đoạn, cắt giảm trong tuyển dụng do AI. Nhưng nhu cầu về lao động, đặc biệt là trong lĩnh vực robot, kỹ thuật phần mềm, dự kiến sẽ tăng vọt nhờ sự phát triển của công nghệ này.

Tuy nhiên, không phải là máy móc không phát triển, chỉ là chúng đang phát triển chậm hơn nhiều so với thông tin từ một số phương tiện truyền thông. Vì vậy, việc robot trí tuệ nhân tạo hoàn toàn thay thế vị trí của con người trong tương lai vẫn là một vấn đề xa vời và gần như không thể trở thành sự thật...

(<https://www.elcom.com.vn/robot-va-tri-tue-nhan-tao-thay-the-hoan-toan-nhan-su-trong-tuong-lai-1678359222>, ngày 13/10/2023)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 6

Câu 1. Xác định thể loại của văn bản trên.

Câu 2: Văn bản trên đề cập đến nội dung gì ?

Câu 3. Theo văn bản, Robot AI đã tác động đến các loại công việc nào của con người?

Câu 4. Nêu tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản.

Câu 5. Vì sao tác giả cho rằng sẽ có những công việc không bao giờ có thể bị thay thế bởi robot AI?

Câu 6. Anh/Chị có đồng tình với ý kiến: *việc robot trí tuệ nhân tạo hoàn toàn thay thế vị trí của con người trong tương lai vẫn là một vấn đề xa vời và gần như không thể trở thành sự thật* không? Vì sao? (Trả lời khoảng 7-10 dòng)

II. PHẦN VIẾT (5,0 điểm)

Hãy viết một bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của việc đọc sách đối với giới trẻ hiện nay.



CHÚC CÁC EM ÔN TẬP TỐT!

